

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HS-ST
Ngày 18 - 5 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;
2. Ông Phan Phước Tân.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2022, đối với bị cáo:

Đỗ Thanh T, sinh ngày 20/01/1991 tại huyện An Phú, tỉnh An Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Khánh Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; con ông Đỗ Văn Minh V, sinh năm 1966 và bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1965; anh em ruột có 03 người, bị cáo là người lớn nhất; vợ tên Trần Thị Thủy, sinh năm 1988; có 02 con; con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án: Chưa

Tiền sự: Ngày 14/6/2021 bị Công an xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2021 cho đến nay;

Bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* Ông Trần Văn T1, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp Khánh Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Đỗ Văn Minh V, sinh năm 1966

Nơi cư trú: Ấp Khánh Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1965

Nơi cư trú: Ấp Khánh Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang .

3. Bà Võ Thị N, sinh năm 1965

Nơi cư trú: Ấp Khánh Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Em Võ Thị Kim C, sinh năm 2004 (Người giám hộ cho em Chi: Bà Huỳnh Thị Diễm – Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Khánh An).

2. Bà Dương Thị T2, sinh năm 1984.

Tại phiên tòa, bà P và bà N có mặt, những người còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 26 tháng 9 năm 2021, do có mâu thuẫn về việc Trần Văn T1 nhiều lần dùng nạn thun (nà) bắn đá trúng vào nhà ông Đỗ Văn Thanh V, đồng thời thách thức ông V đánh nhau, nên ông V đứng trên nhà chửi nhau với T1.

Lúc này, Đỗ Thanh T (con ông V) nghe thấy sự việc nên nhặt cây lạng (lưỡi bằng kim loại, cán bằng gỗ dài khoảng 01m) chạy từ nhà sau đến chỗ T1, đứng đối diện cách T1 khoảng 01m đánh một cái trúng vào vùng vai trái của T1 làm lưỡi lạng bị rơi ra. T cầm cán gỗ tiếp tục đánh 03 cái vào vùng lưng, hông, mông của T1. T1 bỏ chạy về nhà, T và ông V tiếp tục cầm cây đuổi theo T1. Khi đến nhà T1 thì được nhiều người can ngăn nên không xảy ra đánh nhau.

Sau đó, T1 cầm 01 lưỡi hái bằng kim loại, tay cầm bằng nhựa dài khoảng 70,7cm tiếp tục đến nhà ông V thách thức đánh nhau nhưng được nhiều người can ngăn. Tức giận nên T1 tự đập đầu vào trụ đá chân cầu thang nhà ông V gây thương tích ở trán. Ngay khi đó lực lượng Công an đến can thiệp.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 409/21/TgT ngày 15/10/2021 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế An Giang:

Trần Văn T1, các dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo vùng giữa đỉnh, kích thước (2,5 x 0,2) cm, bờ không thẳng, nhám nhỏ: 01% (không một phần trăm), thương tích do vật tày có cạnh gây nên.

- 02 (hai) sẹo sau tai trái, trục không thẳng: thương tích do vật tày có cạnh gây nên.

+ Vết 01: kích thước (2,5 x 0,2) cm: 01% (không một phần trăm).

+ Vết 02: kích thước (0,7 x 0,5) cm: 01% (không một phần trăm).

- Chấn thương vai trái: Gãy xương đòn trái, điều trị bảo tồn 08% (không tám phần trăm), thương tích do vật tày gây nên.

- 02 (hai) vết sây sát vùng hông lưng trái, để lại vết biến đổi sắc tố da: thương tích do vật tày gây nên.

+ Vết 01: kích thước (03 x 01) cm: 0,5% (không chấm năm phần trăm).

+ Vết 02: kích thước (07 x 01) cm: 0,5% (không chấm năm phần trăm).

- Vùng cổ chân trái không thương tích tồn tại: 00% (không phần trăm), thương tích do vật tày gây nên

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 12% (mười hai phần trăm).

Ngày 13/12/2021, Đỗ Thanh T bị khởi tố điều tra.

Cáo trạng số 15/CT-VKSAP, ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo Đỗ Thanh T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu. Do tức giận việc T1 nhiều lần dùng nạn thun bắn đá vào nhà và thánh thức cha bị cáo đánh nhau nên bị cáo dùng leng đánh vào vùng vai, hông, mông của T1. Gia đình bị cáo đã bồi thường chi phí điều trị cho T1 5.800.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Huỳnh Thị P, bà Võ Thị N khai phù hợp nội dung vụ án. Bà P và bà N đã giao nhận số T bồi thường. Theo đó bị cáo T bồi thường cho T1 5.800.000 đồng, T1 bồi thường lại cho gia đình bị cáo tám trăm 800.000 đồng.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người vắng mặt.

- Bị hại ông Trần Văn T1 thừa nhận trước đó 2 ngày có dùng nạn thun bắn đá để bắn chim làm đá bay trúng nhà ông V. T1 bị ông V chửi, T1 chửi lại. Sau đó 2 ngày (ngày xảy ra sự việc) T1 có uống rượu và đến trước nhà ông V chửi và thánh thức đánh nhau. Ngay lúc đó thì bị cáo T dùng leng đánh trúng vai, hông T1 gây thương tích. Còn thương tích vùng trán là do T1 tự đập vào cầu thang nhà ông V.

T1 và mẹ T1 đã nhận T bồi thường từ gia đình bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm. T1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đỗ Văn Thanh V; người làm chứng Võ Thị Kim C, Dương Thị T2 khai phù hợp nội dung vụ án.

- Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi; nhân thân bị cáo đã đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, bị hại không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng các điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng còn lại theo quy định.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do tức giận T1 có hành vi chửi mắng, thách thức đánh nhau với cha bị cáo, nên bị cáo nóng giận không kìm chế được. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm về phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Mặc dù, Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại Trần Văn T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Văn Thanh V; những người làm chứng Võ Thị Kim Chi, Dương Thị Tuyên vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, họ đã có lời khai thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt những người những người tham gia tố tụng này.

[1.2] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét hành vi,

quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối chiếu lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; Biên bản xem xét dấu vết ngày 08/10/2021; vật chứng thu giữ; Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 409/21/TgT ngày 15/10/2021 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế An Giang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, có căn cứ xác định:

Do trước đó bị hại T1 sử dụng nạn thun (ná) bắn đá vào nhà ông V (cha của bị cáo) làm bể tấm tranh nên hai bên có xảy ra cự cãi. Khoảng 18 giờ ngày 26/9/2021, T1 đến trước nhà ông V tiếp tục chửi và thách thức đánh nhau. Tức giận hành vi của T1, bị cáo T sử dụng leng cán gỗ, lưỡi bằng kim loại đánh trúng vào vùng vai, hông, mông bị hại T1 gây thương tích. Còn thương tích vùng trán là do T1 tự đập vào chân cầu thang nhà ông V.

Trong quá trình điều tra, ban đầu bị hại T1 cho rằng thương tích của T1 còn có sự tác động của ông V. Tuy nhiên, ngoài lời khai của T1 không có chứng cứ nào khác chứng minh ông V có dùng cây đánh T1 và sau đó T1 cũng xác định ông V không có dùng cây đánh T1. Do đó Cơ quan Điều tra không quy kết trách nhiệm đối với ông V là có căn cứ. Từ đó có căn cứ xác định, trong thương tích 12% của T1 có 01% là do T1 tự gây ra cho mình (vùng trán), còn 11% là do bị cáo T gây ra.

Xác định cây leng mà bị cáo sử dụng để gây thương tích cho bị hại là hung khí nguy hiểm. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức được hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”; tội danh và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Xét thấy Cáo trạng số 15/CT-VKSAP-HS, ngày 05/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến sức khỏe của người khác mà còn gây mất an ninh, trật tự trị an tại địa phương. Cho nên, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[2.3] Đây là vụ án có tính chất bạo lực. Nguyên nhân xảy ra vụ việc xuất phát từ việc bị hại có lời lẽ thô tục, thách thức đánh nhau với cha của bị cáo, nên bị cáo tức giận dùng hung khí đánh bị hại gây thương tích. Động cơ của bị cáo chỉ để thỏa mãn cơn tức giận. Từ đó cho thấy cả bị cáo và bị hại đều có cách hành xử thiếu văn minh, gây mất an ninh trật tự. Sau khi sự việc được can ngăn, bị hại còn sử dụng lưỡi hái bằng kim loại trở lại nhà ông V thách thức đánh nhau, nhiều người

can ngăn thì bị hại tự đập đầu vào cầu thang gây thương tích ở trán, đến khi lực lượng Công an đến can ngăn thì bị hại mới chịu dừng lại. Xét việc cơ quan chức năng xử phạt vi phạm hành chính đối với T1 là thỏa đáng, đúng quy định. Ông T1 cần nhận ra hành vi sai trái, khắc phục về sau.

[2.4] Về hình phạt: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có tiền sự về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã có tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; bị hại T1 có yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đồng thời, bị cáo có con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình; bị hại cũng có lỗi, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị về mức hình phạt của Kiểm sát viên đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội; đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa. Tuy nhiên, do bị cáo đã có T sự, chưa chấp hành nộp phạt, nên không được áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt truy tố. Do đó cần quyết định hình phạt theo mức hình phạt cao nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[2.5] Về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án:

Đối với người có liên quan ông Đỗ Văn Thanh V có hành vi chửi nhau với T1 và đây cũng là nguyên nhân làm cho bị cáo T có hành vi gây thương tích cho T1. Khi bị cáo T đánh T1 lẽ ra ông V cần can ngăn, ngược lại ông V còn cùng T rượt đuổi đến nhà T1. Nếu ông V có cách hành xử văn minh, can ngăn T và trình báo sự việc đến cơ quan chức năng, thì có lẽ T không phải bị xử lý hình sự. Ông V cần rút kinh nghiệm trong cách hành xử về sau.

[3] Về xử lý vật chứng trong vụ án: Vật chứng còn lại trong vụ án, gồm:

- 01 (một) đoạn gỗ hình tròn, dài 80,5cm đường kính 2,5cm đã qua sử dụng, là vật bị cáo T sử dụng gây thương tích đối với T1.

- 01 (một) đoạn gỗ hình tròn dài 80,3cm đường kính 02cm đã qua sử dụng, là vật ông V sử dụng cùng bị cáo T đuổi theo T1.

- 01 (một) lưỡi hái bằng kim loại dài 70,7cm, cán bằng kim loại, có tay cầm bằng nhựa, đã qua sử dụng, là vật T1 sử dụng trở lại đánh nhau với bị cáo T.

Xét các vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, bị cáo, bị hại đã thỏa thuận được mức bồi thường. Theo đó bị cáo bồi thường cho T1 5.800.000 đồng; T1 bồi thường giá trị tám tranh cho gia đình bị cáo 800.000 đồng. Đại diện hai gia đình là bà Huỳnh Thị P (mẹ bị cáo) và bà Võ Thị N (mẹ bị hại) đã thống nhất và được lập thành văn bản. Bị hại T1 và gia đình bị cáo không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

[5] Về chi phí tố tụng:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Thanh T phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thanh T 02 (hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 15/12/2021 (*ngày mười lăm tháng mười hai năm hai nghìn không trăm hai mươi một*);

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) đoạn gỗ hình tròn, dài 80,5cm đường kính 2,5cm đã qua sử dụng.
- 01 (một) đoạn gỗ hình tròn dài 80,3cm đường kính 02cm đã qua sử dụng.
- 01 (một) lưỡi hái bằng kim loại dài 70,7cm, cán bằng kim loại, có tay cầm bằng nhựa, đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08 tháng 04 năm 2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện An Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú).

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo Đỗ Thanh T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự

Án tuyên công khai có mặt bị cáo Đỗ Thanh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị P, Võ Thị N. Thời hạn kháng cáo của bị cáo T, bà P, bà N là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của ông Trần Văn T1, ông Đỗ Văn Thanh V là 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (1);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Người liên quan (3);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**Trần Văn Sáu**

.